

TÌNH HÌNH VĂN BIA TỈNH THỪA THIÊN – HUẾ

THE SITUATION OF EPITAPHS IN THUA THIEN – HUE

Đoàn Trung Hữu, Nguyễn Hoàng Thân
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
 Email: hoangthan@yahoo.com

TÓM TẮT

Thừa Thiên – Huế, là một trong những vùng đất Nam tiến và là phủ lỵ, kinh đô của các triều đại chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn và Nguyễn Gia Long, nên đã để lại nhiều di sản văn hóa có giá trị cho đất nước. Trong đó có cả hệ thống văn bia dân gian và văn bia nhà nước – văn bia cung đình với trữ lượng đồ sộ và phản ánh muôn mặt của một chặng đường lịch sử của dân tộc. Bài viết này góp phần khảo sát tình hình số lượng, thực trạng phân bố, đặc điểm văn bản của bi kí Thừa Thiên – Huế, ở các phương diện như: phân loại theo triều đại, phân loại theo thế kỉ, phân loại theo niên hiệu; phân bố theo không gian; phân bố theo loại hình di tích..., nhằm giải quyết vấn đề hình thức – văn bản học của nó để có cơ sở xây dựng hệ thống tư liệu văn bia Thừa Thiên – Huế đáng tin cậy, giúp các nhà nghiên cứu khai thác giá trị vào từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể.

Từ khóa: văn bia; Thừa Thiên – Huế; văn bia Thừa Thiên – Huế; đặc điểm văn bia; văn bản học văn bia.

ABSTRACT

Thua Thien – Hue is one of the southward lands and the palace, the capital of the Nguyen Lords Dynasties, the Tay Son brothers and Nguyen Gia Long. Therefore, it has preserved a lot of valuable cultural heritage for the nation. Of which, the system of folk epitaphs and state epitaphs – royal epitaphs with large reserves reflect all aspects of the historical journey of the nation. This article contributes to surveying the situation of quantity, current reality of distribution and written characteristics of epitaphs in Thua Thien – Hue in terms of classification by dynasty, classification by century, classification by date; distribution by space; distribution by type of relics... aiming at solving the formal problem – the written form to have a foundation for building the documentation system of Thua Thien – Hue epitaphs which are reliable and help researchers exploit the value in each specific area of study.

Key words: epitaphs; Thua Thien – Hue; Thua Thien – Hue epitaphs; characteristics of epitaphs; written form of epitaphs.

1. Đặt vấn đề

Thừa Thiên – Huế (TTH) vốn có lịch sử từ lâu đời, nhưng trở thành vùng đất của quốc gia Đại Việt chỉ từ sau sự kiện đám cưới công chúa Huyền Trân vào năm 1306. Thời gian đầu người Việt di cư vào Nam và tiến hành công cuộc khai hoang lập làng, ổn định đời sống, phát triển kinh tế. Sau này, TTH lại là nơi được chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của xứ Đàng Trong; triều Tây Sơn và triều Nguyễn chọn làm nơi đóng đô. Vùng đất kinh kì Phú Xuân là trung tâm mọi lĩnh vực, mọi hoạt động của cả nước, tạo nên một tiểu vùng văn hóa Phú Xuân. Chính những tiền đề này là cơ sở để hình thành văn bia TTH và mang trong nó những thuộc tính của văn bia dân gian với văn bia cung đình, vừa có sắc thái chung của văn bia cả nước lại

vừa có đặc trưng riêng của văn bia địa phương.

Số lượng văn bia TTH theo thư mục của E.F.E.O gồm 104 đơn vị, theo danh mục sưu tầm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm vào năm 2009 là 259 đơn vị. Trong đó có 12 đơn vị văn bia sưu tầm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm trùng với văn bia sưu tầm của E.F.E.O. Đồng thời, tác giả còn sưu tầm văn bia TTH từ nhiều nguồn khác nhau và kết hợp với quá trình điền dã, điều tra thực địa, đã tổng hợp được 437 đơn vị văn bia trên địa bàn tỉnh TTH. Đây là số văn bia Hán Nôm, ngoài ra còn có những văn bia viết bằng chữ quốc ngữ và đặc biệt có 01 văn bia viết bằng chữ Chăm-pa. Số lượng văn bia TTH nhiều như vậy nhưng đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ về tình hình và đặc điểm văn bản của nó.

2. Tình hình văn bia Thừa Thiên – Huế

2.1. Phân bố văn bia Thừa Thiên – Huế theo thời gian

Trong số 437 đơn vị văn bia thuộc địa bàn TTH, có 285 văn bia có thông tin về niên đại, chiếm 65,2% tổng số bia; có 152 văn bia không có thông tin về niên đại, chiếm 34,8% tổng số bia. Trong số 285 văn bia có thông tin về niên đại này, cũng chỉ có 242 văn bia ($242/437 = 55,4\%$) là có niên đại xác định, có thể quy đổi thành năm dương lịch cụ thể. Do vậy trong phần thống kê dưới đây, chỉ sử dụng những văn bia có niên đại cụ thể.

Bảng 1. Phân loại văn bia theo thông tin niên đại

| Loại văn bia | Số lượng văn bia | Tỉ lệ % |
|-----------------------------|------------------|---------|
| Không có thông tin niên đại | 152 | 34,8 |
| Có thông tin niên đại | 285 | 65,2% |
| Có niên đại xác định cụ thể | 242 | 55,4% |

2.1.1. Phân loại văn bia theo triều đại

Vùng đất TTH, tính từ khi sáp nhập vào quốc gia Đại Việt cho đến nay, cùng chung dòng chảy thời gian của cả nước, đã trải qua các triều đại quân chủ và qua các thời kì lịch sử: triều Trần, triều Lê sơ, triều Mạc, triều Lê Trung hưng, triều Tây Sơn, triều Nguyễn và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Nhưng văn bia TTH chỉ mang trong nó những niên đại bắt đầu từ triều Lê Trung hưng trở đi, tức không có văn bia ra đời vào giai đoạn mới hình thành vùng đất này (Trần, Lê sơ, Mạc), như bảng thống kê dưới đây.

Bảng 2. Phân loại văn bia theo các triều đại

| T | Triều đại | Thời gian tồn tại | SL bia | Tỉ lệ % | |
|------|-----------|-------------------|--------|---------|---------|
| | | | | 242 bia | 437 bia |
| 1 | Lê | 1428 - 1788 | 15 | 6,2% | 3,4% |
| 2 | Tây Sơn | 1788 - 1802 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Nguyễn | 1802 - 1945 | 207 | 85,5% | 47,4% |
| 4 | Sau CMT8 | 1945 - nay | 20 | 8,3% | 4,6% |
| Tổng | | | 242 | 100% | 55,4% |

Theo thống kê ở trên, ta thấy văn bia TTH chủ yếu có niên đại ở thời triều Nguyễn, chiếm xấp xỉ một nửa tổng số văn bia của cả tỉnh. Sở dĩ như vậy là vì, Huế là kinh đô của triều Nguyễn tồn tại trong gần 1,5 thế kỉ nên có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc ra đời những văn bia có niên đại trong thời gian này. Trước hết, các công trình kiến trúc cung đình, hoàng tộc, hành chính quan phương ở Huế rất nhiều, nên dẫn đến việc lập bia để khắc ghi các sự kiện về những công trình đó. Chỉ đơn cử tính riêng văn bia văn miếu đã lên tới 43 bia. Thứ nữa, các vị vua triều Nguyễn rất chú trọng về thơ văn như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, thường xuyên đề vịnh cảnh đẹp của đất kinh kì - xứ thơ, và cho khắc những tác phẩm sáng tác lên bia đá để truyền rộng rãi và lâu dài. Bên cạnh đó, TTH là một trong những cái nôi Phật giáo của đất nước, được các vua triều Nguyễn cũng như hoàng tộc triều Nguyễn hết sức quan tâm, thậm chí tham gia khai sơn, khởi công, duy trì tổ chức của thiền môn. Mà truyền thống Phật giáo thường hay cho dựng bia để ghi chép về việc xây dựng, trùng tu chùa, lập tháp chuông, xây mộ tháp,... Trung bình dưới thời Nguyễn, mỗi năm có hơn 1 văn bia ở TTH ra đời.

Nhà Tây Sơn cũng có một thời gian đặt kinh đô ở Phú Xuân dưới thời Quang Trung Nguyễn Huệ và thời gian trị vì của triều đại này là 14 năm, nhưng tuyệt nhiên chưa sưu tầm được một văn bia nào có niên đại của triều đại này, hoặc ra đời vào khoảng thời gian của triều đại này. Có lẽ lí do dễ hiểu nhất là sự can thiệp của triều Nguyễn (Gia Long) đã làm cho văn bia thời Tây Sơn không còn tồn tại trên đất TTH, trong khi đó ở những địa phương khác vẫn còn; có những văn bia với niên hiệu của nhà Tây Sơn (văn bia Hải Phòng có 2,5% số bia niên đại Tây Sơn - gần bằng một nửa số văn bia TTH có niên đại triều Hậu Lê (6,2%), văn bia Quảng Nam còn những văn bia mộ thứ phi của vua Quang Trung ở Hội An).

Văn bia TTH có số lượng văn bia niên đại triều Hậu Lê tương đối ít, chỉ có 15 bia (chiếm

6,2% tổng số bia có niên đại xác định, chiếm 3,4% tổng số bia toàn tỉnh). Số lượng văn bia triều Hậu Lê của TTH chỉ bằng một nửa so với văn bia triều Hậu Lê của Quảng Nam - nơi cùng một khu vực hành chính dưới thời Trần - Lê là vùng Thuận - Quảng. Văn bia TTH có niên đại thời Hậu Lê sớm nhất là năm 1667 (Cảnh Trị thứ 5), năm cuối cùng niên hiệu triều Hậu Lê là 1788. Như vậy, trung bình 10 năm mới ra đời một văn bia TTH dưới triều Hậu Lê, trong khi văn bia Hải Phòng một năm ra đời 3,5 bia dưới giai đoạn Lê Trung hưng cùng thời gian xét với văn bia TTH.

Bên cạnh những văn bia ra đời dưới thời phong kiến, văn bia TTH còn có những văn bia ra đời từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kéo dài đến ngày nay. Văn bia Hải Phòng chỉ có 2 bia sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong tổng số 1213 văn bia. Nhưng văn bia TTH có đến 20 văn bia trong giai đoạn này, còn nhiều hơn cả số văn bia dưới thời Hậu Lê, mặc dù khoảng thời gian chỉ hơn nửa thế kỉ. Văn bia Hội quán người Hoa ở Hội An hay Thành phố Hồ Chí Minh vẫn viết bằng chữ Hán sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là hiển nhiên. Nhưng văn bia TTH lại có số lượng tương đối nhiều văn bia giai đoạn này cũng là một hiện tượng đặc biệt. Bởi một thời gian khá dài đất nước ta bị thực dân Pháp đô hộ và không sử dụng chữ Hán nữa và truyền thống dựng văn bia ở làng xã bị mai một do nhiều nguyên nhân khác nhau, làm ảnh hưởng đến việc ra đời của văn bia. Song, TTH là một trong những trung tâm của Phật giáo, làm cho số văn bia trong giai đoạn này chủ yếu là văn bia chùa, văn bia Phật giáo, nên mang đặc trưng của thể loại tác phẩm bằng chữ Hán Nôm của nhà Phật.

2.1.2. Phân loại văn bia theo thế kỉ

Bảng 3. Phân loại văn bia theo thế kỉ

| Thế kỉ | XVII | XVIII | XIX | XX |
|--------------------------|------|-------|-------|-------|
| Số lượng văn bia | 2 | 13 | 129 | 98 |
| Tỉ lệ % (so với 242 bia) | 0,8% | 5,4% | 53,3% | 40,5% |
| Tỉ lệ % (so | 0,5% | 3,0% | 9,5% | 22,4% |

| | | | | |
|--------------|--|--|--|--|
| với 437 bia) | | | | |
|--------------|--|--|--|--|

* Các ví dụ về văn bia TTH phân bố theo thời gian thế kỉ:

- Văn bia TTH thế kỉ XVII: Vô đề (N^o 16231)
- Văn bia TTH thế kỉ XVIII: *Tùng Sơn tự minh* 松山寺銘
- Văn bia TTH thế kỉ XIX: *Ngự chế thi đề Diệu Đế tự bi* 御製詩題妙諦寺碑
- Văn bia TTH thế kỉ XX: *Ba La Mật tự bi* 波羅密寺碑

Theo thống kê của Bảng 3, ta thấy văn bia TTH không có văn bia nào ra đời vào thế kỉ XIV, XV, XVI là thời gian mà khu vực này đã thuộc về quốc gia Đại Việt và có chủ nhân là người Việt. Suốt trong 3 thế kỉ này, TTH chỉ mới là vùng đất mà di dân bắt đầu tiến hành khai hoang, khai canh, dựng làng lập ấp trong bối cảnh điều kiện hết sức khó khăn của vùng Ô châu ác địa: *Thương em anh cũng muốn vô/ Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang*. Đến thế kỉ XVII, TTH cũng chỉ có 2 đơn vị văn bia ra đời vào giai đoạn này, bởi cư dân còn phải lo đến đời sống vật chất mà chưa có điều kiện để chú trọng đến đời sống tinh thần. Văn bia thuộc thế kỉ XIX chiếm số lượng nhiều nhất, bởi thế kỉ này là thế kỉ của triều Nguyễn, nên có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự hình thành văn bia TTH như đã phân tích ở trên.

2.1.3. Phân loại văn bia theo niên hiệu

Văn bia TTH không chỉ phân loại theo trục thời gian lớn là theo thời gian của triều đại quân chủ và theo thời gian thế kỉ mà còn có thể phân loại theo đơn vị thời gian của từng niên hiệu của các triều vua. Sự phân loại này sẽ càng phản ánh chi tiết hơn về những thời điểm mà văn bia TTH ra đời nhiều hay ít để có thể hiểu được sự phản ánh ngược lại của văn bia đối với tình hình xã hội của từng triều vua. Kết quả phân bố văn bia TTH theo niên hiệu đời vua như Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Phân loại văn bia theo niên hiệu

| Triều đại | Niên hiệu | Số lượng văn bia | Tỉ lệ % trong cùng triều đại | Tỉ lệ % trong tổng bia xác định niên đại (242) | Tỉ lệ % trong tổng số bia TTH (437) |
|--------------|------------------------|------------------|------------------------------|--|-------------------------------------|
| Triều Lê | Cảnh Trị | 2 | 13,3% | 0,8% | 0,5% |
| | Chính Hòa | 1 | 6,7% | 0,4% | 0,2% |
| | Vĩnh Thịnh | 2 | 13,3% | 0,8% | 0,5% |
| | Bảo Thái | 2 | 13,3% | 0,8% | 0,5% |
| | Vĩnh Khánh | 1 | 6,7% | 0,4% | 0,2% |
| | Vĩnh Hựu | 1 | 6,7% | 0,4% | 0,2% |
| | Cảnh Hưng | 6 | 40,0% | 2,5% | 1,4% |
| | Tổng bia Lê | 15 | 100% | 6,2% | 3,4% |
| Triều Nguyễn | Gia Long | 5 | 2,4% | 2,1% | 1,1% |
| | Minh Mệnh | 32 | 15,5% | 13,2% | 7,3% |
| | Thiệu Trị | 23 | 11,1% | 9,5% | 5,3% |
| | Tự Đức | 45 | 21,7% | 18,6% | 10,3% |
| | Đồng Khánh | 2 | 1,0% | 0,8% | 0,5% |
| | Thành Thái | 33 | 15,9% | 13,6% | 7,6% |
| | Duy Tân | 14 | 6,8% | 5,8% | 3,2% |
| | Khải Định | 9 | 4,3% | 3,7% | 2,1% |
| | Bảo Đại | 44 | 21,3% | 18,2% | 10,1% |
| | Tổng bia Nguyễn | 207 | 100% | 85,5% | 47,4% |

Triều Lê Trung hưng trải qua 17 đời vua, với 26 niên hiệu: Nguyên Hòa, Thuận Bình, Thiên Hựu, Chính Trị, Hồng Phúc, Gia Thái, Quang Hưng, Thận Đức, Hoàng Định, Vĩnh Tô, Đức Long, Dương Hòa, Phúc Thái, Khánh Đức, Thịnh Đức, Vĩnh Thọ, Vạn Khánh, Cảnh Trị, Chính Hòa, Vĩnh Thịnh, Bảo Thái, Vĩnh Khánh, Long Đức, Vĩnh Hựu, Cảnh Hưng, Chiêu Thống; nhưng văn bia TTH chỉ có các niên hiệu: Cảnh Trị, Chính Hòa, Vĩnh Thịnh, Bảo Thái, Vĩnh Khánh, Vĩnh Hựu, Cảnh Hưng. Trong 15 văn bia thuộc 7 niên hiệu của triều đại nhà Lê Trung hưng, văn bia TTH có niên đại Cảnh Hưng là nhiều nhất, chiếm 40% tổng số bia của cùng triều đại. Tỉ lệ này cũng tương ứng với nhiều tỉ lệ phân bố văn bia theo thời gian của các địa phương khác, bởi niên hiệu Cảnh Hưng có thời gian dài nhất trong triều Lê Trung hưng. Đồng thời, cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của triều vua này có nhiều ảnh hưởng tích

cực đến việc hình thành văn bia của cả nước nói chung và TTH nói riêng. Tương tự, dưới triều Nguyễn, văn bia thời Tự Đức chiếm số lượng nhiều nhất, trên 1/5 tổng số văn bia trong cùng triều Nguyễn, bởi triều vua Tự Đức có thời gian trị vì dài nhất và giai đoạn đầu của triều vua cũng có nhiều yếu tố thuận lợi tác động đến quá trình hình thành văn bia. Ngược lại, chỉ có 2 văn bia dưới thời Đồng Khánh trong tổng số 207 văn bia triều Nguyễn. Đó là vì thời gian tại vị của vua Đồng Khánh rất ngắn (3 năm) và xã hội dưới triều vua này chứng kiến các sự kiện biến động lớn của đất nước. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến sự ra đời của văn bia.

Nhìn chung, văn bia TTH theo thời gian có sự phân bố không đồng đều giữa các triều đại, giữa các triều vua là do các yếu tố xã hội đương thời tác động. Do vậy, kết quả của sự phân bố văn bia TTH theo thời gian cũng là tư liệu để lí giải những sự kiện lịch sử, văn hóa của địa phương và đất nước

trong từng giai đoạn.

* Các ví dụ về văn bia TTH phân bố theo thời gian niên hiệu đời vua:

| Niên hiệu | Đời vua | Văn bia Thừa Thiên Huế | Kí hiệu |
|------------|-------------------|--|--------------------------------------|
| Cảnh Trị | Lê Huyền Tông | <i>Trùng tu Bảo Sơn tự bi</i> 重修寶山寺碑 | N ⁰ 16231 |
| Chính Hòa | Lê Hy Tông | <i>Sắc tứ Động Thượng chính tông khai sơn thiên lâm viện Khắc Huyền lão tổ thượng chi tháp</i> 敕賜洞上正宗開山禪林院克玄老祖尚之塔 | N ⁰ 13463 |
| Vĩnh Thịnh | Lê Dụ Tông | <i>Quốc chủ Nguyễn Phúc Chu tự Động Thượng chính tông tam thập thế pháp danh Hưng Long hiệu Thiên Túng đạo nhân đỉnh kiến Thuận Hóa Thiên Mục tự bi kí minh</i> 國主阮福朱字洞上正宗三十世法名興龍號天縱道人鼎建順化天姥寺碑記銘 | N ⁰ 153/ 2585/ 5683 |
| Bảo Thái | Lê Dụ Tông | <i>Sắc tứ Đại Việt quốc vương sắc tứ Hà Trung tự Hoán Bích thiên sư tháp kí minh</i> 敕賜大越國王敕賜河中寺煥碧禪師塔記銘 | N ⁰ 13437 |
| Vĩnh Khánh | Lê Duy Phường | [<i>Vô đề</i>] | N ⁰ 13462 |
| Vĩnh Hựu | Lê Ý Tông | <i>Tế tông Tây thiên Thiện An lão hòa thượng tháp</i> 濟宗西天善安老和尚塔 | N ⁰ 13445 |
| Cảnh Hưng | Lê Hiến Tông | <i>Sắc tứ Chánh Giác hòa thượng</i> 敕賜正覺和尚 | N ⁰ 13442 |
| Gia Long | Nguyễn Thế Tổ | <i>Trùng tu Vô Lượng tháp bi kí</i> 重修無量塔碑記 | |
| Minh Mệnh | Nguyễn Thánh Tổ | <i>Sắc tứ Tuệ Vũ tự bi kí</i> 敕賜慧雨寺碑記 | |
| Thiệu Trị | Nguyễn Hiến Tổ | <i>Định Bắc trường thành hoài cổ tác</i> 定北長城懷古作 | N ⁰ 13518 |
| Tự Đức | Nguyễn Dực Tông | <i>Tứ Thọ Xuân vương thất thập thọ tự tịnh ca</i> 賜壽春王七十壽序並歌 | N ⁰ 55818 |
| Đồng Khánh | Nguyễn Cảnh Tông | <i>Thiên hoàng long sơn</i> 天皇龍山 | N ⁰ 18309 |
| Thành Thái | Nguyễn Thành Thái | <i>Tư Lăng thánh đức thần công bi</i> 思陵聖德神功碑 | N ⁰ 18305 |
| Duy Tân | Nguyễn Duy Tân | <i>Văn bia xây dựng cô đàn làng Vĩ Dạ</i> | |
| Khải Định | Nguyễn Hoàng Tông | <i>Trường Xuân tự tự</i> 長春寺序 | |
| Bảo Đại | Nguyễn Bảo Đại | <i>Cổ kính trùng viên thuyết</i> 古鏡重園說 | |

2.2. Phân bố văn bia Thừa – Thiên Huế theo không gian

Vùng đất TTH đã trải qua hơn 700 năm lịch sử với bao cuộc đổi thay của các nền quân chủ cũng như sự đổi thay về địa giới hành chính. Mặt khác, đối tượng văn bia khảo sát của bài viết này là toàn bộ văn bia Hán Nôm ra đời trên địa phận tỉnh TTH mà

không giới hạn về niên đại của nó. Do vậy chỉ có thể phân loại văn bia TTH theo địa giới hành chính hiện nay. Đối với những văn bia ra đời từ trước, căn cứ vào địa danh hành chính dựng bia đương thời để xếp vào địa danh hành chính hiện tại. Đồng thời, những văn bia trước đây có một số văn bia lại không ghi rõ địa danh hành chính cấp làng xã là nơi dựng bia hoặc

các cơ quan sưu tầm sau này không ghi chi tiết địa danh hành chính cấp xã, mà chỉ ghi đến cấp huyện, thậm chí có bia ghi đến cấp tỉnh hoặc không có thông

tin gì. Cho nên, bài viết này khảo sát và phân chia văn bia TTH theo cấp huyện/ thị xã/ thành phố hiện tại của tỉnh TTH, theo như kết quả dưới đây.

Bảng 5. Phân loại văn bia theo không gian (cấp huyện)

| Huyện | SL bia | Tỉ lệ % | Bia ví dụ |
|------------|--------|---------|--|
| Tp. Huế | 336 | 76,9% | Ngự chế ngự hà bi kí 御製御河碑記 N0 5671 |
| Hương Thủy | 39 | 8,9% | Đệ ngũ hệ đệ tứ phòng cung từ đường 第五系第四房宮祠堂 N0 56016 |
| Hương Trà | 8 | 1,8% | Thanh Lương tự minh 清涼寺銘 |
| Phong Điền | 21 | 4,8% | Văn bia chùa làng Hòa Viện (vô đề) |
| Phú Lộc | 4 | 0,9% | Ngự chế Thánh Duyên tự chiêm lễ bát vận 御製聖緣寺瞻禮八運 |
| Phú Vang | 15 | 3,4% | Bia trùng tu đình làng An Truyên (vô đề) |
| Quảng Điền | 14 | 3,2% | Sắc tứ Tuệ Vũ tự bi kí 敕賜慧雨寺碑記 |

* Nhận xét về sự phân bố văn bia TTH theo không gian

Trong các địa danh hành chính cấp huyện của tỉnh TTH ngày nay (bao gồm thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện A Lưới, huyện Nam Đông, huyện Phong Điền, huyện Phú Lộc, huyện Phú Vang, huyện Quảng Điền), thì địa danh Hương Trà xuất hiện sớm nhất. Địa danh Tp. Huế hình thành từ năm Thành Thái thứ 11 (1899) với cấp hành chính là thị xã và trở thành địa danh cấp thành phố vào năm 1945 theo quyết định của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tp. Huế là vùng trung tâm, tập trung đôi bờ hạ lưu sông Hương - nơi đầu mối giao thông với các huyện thị khác. Trong 9 đơn vị hành chính nêu trên, huyện A Lưới và huyện Nam Đông chưa phát hiện được văn bia Hán Nôm, có lẽ do 2 huyện này là huyện miền núi sát dãy Trường Sơn, giáp với biên giới nước Lào, nên không có điều kiện thuận lợi cho sự hình thành văn bia Hán Nôm tỉnh TTH.

Theo thống kê ở Bảng 5, ta thấy văn bia phân bố ở Tp. Huế có số lượng nhiều nhất với 336 bia, chiếm trên 2/3 tổng số bia TTH (76,9%). Văn

bia phân bố ở khu vực có số lượng ít nhất là văn bia ở huyện Phú Lộc, chỉ có 4 bia. Huyện Phú Lộc là huyện phía Nam của tỉnh TTH, với diện tích tự nhiên phần lớn là phá Tam Giang và rừng núi đá vôi đâm ngang ra biển với các đường đèo Phú Gia, Phước Tượng, Hải Vân, nên mật độ dân cư còn thấp, khả năng giao lưu với các vùng lân cận khác bị hạn chế. Chính điều này làm ảnh hưởng tiêu cực về số lượng văn bia Hán Nôm tỉnh TTH. Tp. Huế là nơi có mật độ các công trình kiến trúc cung đình, hoàng tộc, dân sự, quân sự, tín ngưỡng tâm linh dày đặc; là nơi tập trung nhiều nhất đội ngũ trí thức; là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh, riêng với Thiệu Trị đã là “Thần kinh nhị thập cảnh”; và trước đó là thủ phủ của Đàng Trong, kinh đô của Nguyễn Tây Sơn, của cả triều Nguyễn Gia Long về sau. Do vậy, Tp. Huế là nơi có số lượng văn bia nhiều nhất.

Văn bia phân bố theo không gian có số lượng ở vị trí thứ 2 là văn bia thuộc địa bàn thị xã Hương Thủy, với 39 bia. Hương Thủy giáp giới với kinh thành Phú Xuân, là vùng sinh thái tự nhiên, cảnh trí phong thủy hữu tình và địa hạt tâm linh của đất đế đô. Địa bàn thị xã Hương Thủy có

rất nhiều chùa chiền tọa lạc, là nơi mộ địa của cả vua quan và thứ dân. Mà những vấn đề này là cơ sở thuận lợi cho việc ra đời văn bia Hán Nôm. Trong các bảng phân loại văn bia TTH của E.F.E.O thì phần lớn danh mục văn bia xếp vào địa bàn huyện Hương Thủy.

Khác với vùng đất “địa linh” của Tp. Huế và thị xã Hương Thủy, huyện Phong Điền lại có phong khí của vùng đất “nhân kiệt”, sản sinh các danh nhân trong các ngôi làng cổ truyền thống được hình thành lâu đời, như làng Phước Tích. Do vậy, huyện Phong Điền có số lượng văn bia đứng ở vị trí thứ 3. Đứng ở vị trí thứ 4 là văn bia thuộc địa bàn huyện Phú Vang, huyện này cũng giáp với Tp. Huế về phía đông, là một trong những vùng đất hình thành sớm của TTH với tên gọi Tư Vinh dưới thời nhà Hậu Lê, là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, ngoại thương thông qua cửa biển Thuận An. Ngoài ra, vùng đất này trước đây còn có sự di trú của người Hoa, mà truyền thống của họ thường hay dựng bia để kỉ niệm. Ngày nay, huyện Phú Vang còn nổi tiếng về “thành phố lăng mộ”, là một cơ sở của việc lập bia.

2.3. Phân bố văn bia Thừa Thiên – Huế theo loại hình di tích

Bảng 6. Phân bố văn bia theo loại hình di tích

| STT | Bia theo loại hình di tích | Số lượng | Tỉ lệ % |
|-----|----------------------------|----------|---------|
| 1 | Bia đình | 42 | 9,6% |
| 2 | Bia chùa | 226 | 51,7% |
| 3 | Bia miếu | 17 | 3,9% |
| 4 | Bia nhà thờ | 10 | 2,3% |
| 5 | Bia lăng | 29 | 8,2% |
| 6 | Bia mộ | 36 | 8,2% |
| 7 | Bia Hội quán | 3 | 0,7% |
| 8 | Bia phủ đệ | 4 | 0,9% |
| 9 | Bia văn thánh | 42 | 9,6% |
| 10 | Bia Võ miếu | 3 | 0,7% |
| 11 | Bia cầu - đường | 4 | 0,9% |
| 12 | Bia sông - biển | 4 | 0,9% |
| 13 | Bia núi | 2 | 0,5% |
| 14 | Bia khác | 15 | 3,4% |

Trong Bảng 6, văn bia chùa là nhiều nhất.

Và số lượng văn bia phân bố trong các chùa như sau: An Phước: 6 (2,7%), Ba La Mật: 1 (0,4%); Bác Vọng Tây: 1 (0,4%); Báo Quốc: 15 (6,7%); Bảo Sơn: 1 (0,4%); Châu Lâm: 6 (2,7%); Diệu Đê: 4 (1,8%); Diệu Đức: 8 (3,6%); Diệu Hi: 1 (0,4%); Đông Thiên: 1 (0,4%); Hải Đức: 1 (0,4%); Hòa Viên: 1 (0,4%); Kim Quang: 2 (0,9%); Kim Tiên 7 (3,1%); Linh Quang: 4 (1,8%); Mật Sơn: 23 (10,2%); Pháp Hải: 4 (1,8%); Phổ Quang: 1 (0,4%); Quán Thánh: 1 (0,4%); Quốc Ân: 20 (8,9%); Sơn Tùng: 1 (0,4%); Tây Thiên: 2 (0,9%); Thánh Duyên: 2 (0,9%); Thanh Lương: 2 (0,9%); Thiên Giang :1 (0,4%); Thiên Hòa: 1 (0,4%); Thiên Hưng: 3 (1,3%); Thiên Mục: 6 (2,7%); Thiên Thai: 1 (0,4%); Thiên Tôn: 8 (3,6%); Thiên Ứng: 1 (0,4%); Thụ Đức: 1 (0,4%); Tịnh Giác: 2 (0,9%); Tra Am: 2 (0,9%); Trúc Lâm: 6 (2,7%); Trường Xuân: 5 (2,2%); Từ Hàng: 1 (0,4%); Từ Hiếu: 14 (6,2%); Từ Quang: 4 (1,8%); Tuệ Vũ: 1 (0,4%); Tùng Sơn: 1 (0,4%); Tường Vân: 43 (19,1%); Vạn Phước: 1 (0,4%); Viên Thông: 4 (1,8%).

* Nhận xét về sự phân bố văn bia TTH theo loại hình di tích:

Xét về loại hình di tích, văn bia tỉnh TTH được phân thành 13 loại văn bia: bia đình, bia chùa, bia miếu, bia nhà thờ, bia lăng (hoàng tộc), bia mộ (dân gian), bia hội quán, bia phủ đệ, bia văn thánh, bia võ miếu, bia cầu - đường, bia sông - biển và những văn bia thuộc các loại di tích khác mà chiếm số lượng rất nhỏ không gộp thành một nhóm với tên gọi cụ thể như các nhóm vừa nêu.

Theo bảng thống kê thứ 6, ta thấy tỉnh TTH chỉ có 2 bia thuộc di tích núi. Đó là văn bia *Bình lãnh đăng cao* 平嶺登高 của vua Thiệu Trị và văn bia suối nước nóng Tả Trạch (Tây Lãnh thang hoàng 西嶺湯泓) của vua Minh Mạng. Tỉnh TTH có 2 huyện miền núi là A Lưới và Nam Đông, nhưng hai huyện này chưa phát hiện có văn bia. *Bình lãnh đăng cao* là bài thơ của vua Thiệu Trị cho khắc về núi Ngự Bình - án binh phong của kinh thành Huế - vào năm 1843. Văn bia suối nước nóng Tả Trạch do vua Minh Mạng đích thân viết vào năm 1837 và cho dựng tại suối nước nóng này

với tên là *Thang Hoảng kí*¹ 湯泓記. Ngoài ra tại địa chỉ này còn có 2 tấm bia với tiêu đề *Thanh Giản* (清澗) và *Lãnh Giản* (冷澗) dựng vào thời Thiệu Trị. Những văn bia này đã được *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn nhắc đến từ lâu, song gần đây một bài viết trên báo điện tử *Dân trí* đề cập đến với một cụm từ “phát hiện”. Điều này cho thấy di sản văn hóa Hán Nôm, thậm chí là di sản của cung đình, hoàng tộc nhưng vẫn có thể bị mai một, vùi lấp theo thời gian của những con người không thuộc cùng hệ tư tưởng - ý thức hệ và không hiểu hết giá trị của tiền nhân.

Văn bia có số lượng nhiều hơn một ít là văn bia thuộc di tích hội quán và di tích võ miếu, đều có 3 văn bia. Từ giữa thế kỉ XVI, ở vùng Thanh Hà - Phú Vang đã có người Hoa đến đây cư trú, giao thương rồi di chuyển dần về gần kinh đô Phú Xuân. Song, điều kiện giao thương của người Hoa ở Thanh Hà - Thuận Hóa không phát triển bằng ở Hội An lân cận. Thương nghiệp người Hoa ở Phú Xuân sớm lụi tàn. Do vậy di tích hội quán của họ không có nhiều văn bia. Còn về văn bia võ miếu có số lượng ít là vì, một quốc gia vốn có truyền thống chuộng văn nên chú trọng ở thiết chế văn miếu. 3 văn bia võ miếu này dựng vào năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) để ghi lại công trạng các vị võ tướng dưới thời Nguyễn Ánh đã giúp xây dựng nên cơ đồ của vương triều Nguyễn. Về sau, các vua Nguyễn vẫn tổ chức khoa thi võ (Hội khoa Võ Tiến sĩ), chọn người đỗ đạt về nghiệp võ và dựng văn bia này ở văn miếu.

Văn bia về cầu - đường, sông - biển chiếm số lượng cũng không nhiều (chỉ có 4 bia ở mỗi loại), nhưng lại có giá trị lịch sử quan trọng. Bởi hầu hết những văn bia này đều là văn bia ngự chế, do vua ban khắc. Và, những di tích, địa chỉ đó là nơi hành cung của vua trước đây, như cửa biển

Thuận An (Thuận An hải tấn).

Văn bia chùa có số lượng nhiều nhất, chiếm trên một nửa tổng số văn bia của tỉnh TTH (51,7%). Sở dĩ như vậy là vì tỉnh TTH là một trung tâm Phật giáo lớn của cả nước. Hiện nay, tỉnh TTH có đến hơn 300 ngôi chùa lớn nhỏ. Mặc dù tỉnh TTH không có những văn bia Phật giáo có niên đại sớm như các địa phương miền Bắc hay Quảng Nam, nhưng lại có nhiều văn bia Phật giáo được ra đời dưới thời Nguyễn và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bởi có những điều kiện thuận lợi để hình thành văn bia vào giai đoạn này. Tuy nhiên trong số 226 văn bia chùa thì chỉ có hơn một trăm văn bia là văn bia mộ tháp các vị tăng ni, thiền sư trú trì nhiều đời của ngôi chùa, và bia các hoạn quan táng tại chùa (Tùng Hiếu). Các văn bia loại này thường chỉ ghi tên tuổi, ngày tháng năm sinh, năm mất, người lập mà không có bài ký, bài minh.

Ngoài ra, tỉnh TTH còn có một đặc trưng riêng biệt về văn bia là những văn bia thuộc loại hình di tích phủ đệ, lăng vua chúa, văn thánh mà chỉ nơi đế đô mới có những loại hình này. Chính những văn bia thuộc loại hình di tích này tạo nên sự đa dạng của văn bia tỉnh TTH.

3. Kết luận

Tỉnh TTH là một trong những địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự ra đời văn bia Hán Nôm, bởi đây là vùng đất cổ đô, hội tụ tinh hoa văn hóa của cả nước và thường xuyên diễn ra những sự kiện lịch sử mà cần được khắc vào bia đá để lưu truyền. Qua đó, chúng tôi bước đầu đưa ra những kết luận sau về tình hình văn bia TTH.

TTH là một trong số các địa phương có số lượng văn bia nhiều nhất ở miền Trung với số lượng 437 đơn vị văn bia, trải dài xuyên suốt từ thời Lê Trung hưng cho đến nay. Mặc dù với số lượng văn bia không nhiều như văn bia ở các địa phương miền Bắc, nhưng tính tỉ lệ về mặt thời gian cư trú của vùng đất thuộc về người Việt thì văn bia TTH cũng tương đương nhiều vùng khác, bởi thời gian hình thành vùng đất Thừa Thiên - Huế tương đối muộn, tính từ mốc đám cưới công

¹ Lâu nay, những khu di sản sinh thái tự nhiên của Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên - Huế nói riêng (như Bạch Mã chẳng hạn) đều do người Pháp phát hiện và khai thác. Nhưng suối nước nóng này là do người nhà của vua Minh Mệnh phát hiện và báo cáo lên vua (1837).

chúa Huyền Trân vào năm 1306.

Văn bia TTH có niên đại muộn hơn so với văn bia miền Bắc, chỉ có hai tấm bia vào thế kỉ XVII, còn lại phần lớn là văn bia thời Nguyễn. Văn bia có niên hiệu triều Lê có 15 bia (chiếm 3,4% tổng số văn bia TTH), bắt đầu từ vua Cảnh Trị và trải qua 6 đời vua Lê tiếp theo: Chính Hòa, Vĩnh Thịnh, Bảo Thái, Vĩnh Khánh, Vĩnh Hựu, Cảnh Hưng). Trong đó văn bia đời Cảnh Hưng chiếm số lượng nhiều nhất, gần một nửa tổng số văn bia đời Lê. Văn bia với niên đại triều Nguyễn liên tục, xuyên suốt gần hết các triều vua, có 207 bia, chiếm 47,4% tổng số 437 văn bia TTH. Trong số văn bia niên đại triều Nguyễn, văn bia có niên hiệu Tự Đức chiếm số lượng nhiều nhất, chiếm xấp xỉ 1/5 tổng số văn bia của triều Nguyễn. Những văn bia sau Cách mạng Tháng Tám thường là văn bia chùa, văn bia Phật giáo nên lấy niên đại là Phật lịch.

Việc phân bố văn bia TTH theo không gian không đồng đều giữa các phủ, huyện tổng, xã. Văn bia phân bố tập trung nhiều nhất ở địa danh thành phố Huế - là thủ phủ xứ Đàng trong lúc bấy giờ, là kinh đô Phú Xuân của nhà Nguyễn Tây Sơn rồi nhà Nguyễn Gia Long. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với sự phân bố văn bia theo không gian của các địa phương khác trong cả nước. Những vùng đất nào có lịch sử hình thành sớm, dân cư tụ tập đông đúc, kinh tế và văn hóa phát triển như địa danh Kim Trà - Hương Trà; ngược lại những vùng

đất dân cư ít ở rừng núi hoặc đầm phá sẽ có số lượng văn bia ít hơn. Có 2 huyện miền núi không có văn bia Hán Nôm. Văn bia phân bố ở thành phố Huế lên đến 336 bia, chiếm 76,9% tổng số văn bia TTH. Văn bia phân bố ở huyện Phú Lộc chỉ có 4 bia, bởi đây là vùng đất nhiều đầm phá.

Về phân bố theo loại hình công năng, văn bia TTH chia thành nhiều loại, như: văn bia đình, văn bia chùa, văn bia miếu, văn bia nhà thờ, văn bia lăng, văn bia mộ, văn bia hội quán, văn bia phủ đệ, văn bia văn thánh, văn bia võ miếu, văn bia cầu - đường, văn bia sông - biển, văn bia núi. Trong đó chiếm số lượng nhiều nhất là văn bia chùa với 226 bia, chiếm trên nửa tổng số văn bia TTH. Đặc trưng nổi bật nhất của văn bia TTH so với các vùng khác chính là văn bia thuộc di tích bia lăng (vua - chúa), bia phủ đệ và bia văn miếu, võ miếu.

Tựu trung văn bia TTH mang trên nó những đặc điểm chung của văn bia Việt Nam và cũng có nhiều nét đặc trưng riêng của văn bia thuộc vùng đất đế đô. Tất cả 437 văn bia TTH đã đảm bảo vấn đề văn bản học Hán Nôm, sau khi tác giả khảo sát và thẩm định. Từ đó văn bia TTH là nguồn tư liệu quý giá và đáng tin cậy để nghiên cứu lịch sử - văn hóa truyền thống của địa phương và đất nước từ trong quá khứ. Nội dung này sẽ được trình bày trong những bài viết tiếp theo: “Đặc điểm văn bản văn bia TTH” và “Giá trị tư liệu văn bia TTH”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Kim Anh - Hoàng Hồng Cẩm (2010), *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [2] Ban Hán Nôm (1977), *Thư mục văn bia*, Tài liệu đánh máy, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quang Hồng chủ biên (1992), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [4] Hoàng Lê chủ biên (1986), *Thư mục bia giản lược*, tài liệu đánh máy, Hà Nội.
- [5] Trịnh Khắc Mạnh (2008), *Một số vấn đề về văn bia Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [6] Trịnh Khắc Mạnh - Nguyễn Văn Nguyên - Phillippe Papin (Ban chỉ đạo chương trình) (2006 – 2010), *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm (22 tập)*, Hà Nội.
- [7] Trịnh Khắc Mạnh chủ biên (2007 – 2012), *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam (8 tập)*, Hà Nội.

-
- [8] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2010), *Danh mục văn khắc Hán Nôm Thừa Thiên Huế* (sưu tầm năm 2009), Hà Nội.
- [9] Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và chuông Hán Nôm dân gian ở Thừa Thiên - Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.